

## TÍN NGƯỠNG THỜ NỮ THẦN Ở THỪA THIÊN HUẾ NHÌN TỪ SẮC PHONG THẦN CỦA TRIỀU NGUYỄN

Dương Thị Hải Vân

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: duonghaivan.phuxuan@gmail.com

Ngày nhận bài: 5/9/2017; ngày hoàn thành phản biện: 11/10/2017; ngày duyệt đăng: 8/01/2018

### TÓM TẮT

Sắc phong thần triều Nguyễn là nguồn tư liệu quý hiếm, góp phần cung cấp thông tin về việc thờ cúng bách thần, phản ánh phong tục tập quán tín ngưỡng ở làng xã Thừa Thiên Huế. Bài viết này hệ thống, khảo sát 136 sắc phong cho nữ thần qua 7 triều vua Nguyễn. Từ đó, chúng ta không chỉ xác định các nữ thần đã được triều đình sắc phong; sự chuyển biến danh xưng trong lịch sử qua sự gia tăng các mỹ tự mà còn hiểu thêm vị trí các nữ thần trong đời sống tín ngưỡng vùng đất này. Đây chính là cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo về tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế.

**Từ khóa:** triều Nguyễn, nữ thần, sắc phong thần, tín ngưỡng, Thừa Thiên Huế.

### 1. MỞ ĐẦU

Từ xưa, với quan niệm *vạn vật hữu linh*, dân gian có xu hướng thiêng hóa những sự vật, hiện tượng tự nhiên, các cá nhân mà theo họ có khả năng siêu việt, mang đến sự bảo hộ trong mọi mặt đời sống hàng ngày. Người dân đã linh hóa, lịch sử hóa, nhân cách các lực lượng tự nhiên thành thần linh (gọi là *Thiên/Nhiên thần*); huyền thoại hóa các nhân vật lịch sử thành thần linh (gọi là *Nhân thần*). Việc phong thần trong tín ngưỡng dân gian thể hiện môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, trình độ tín ngưỡng, nhu cầu tâm linh của làng xã. Một hệ thống bách thần phong phú tồn tại ở khắp đất nước. Rồi nhà nước phong kiến bắt đầu ban ra các sắc phong cho những vị thần linh cụ thể, các vị Thiên thần, Thổ thần, Sơn thần, Thủy thần, Dương thần (Nam thần), Âm thần (Nữ thần). Sắc phong (gọi đây đủ là *đạo sắc phong*) trở thành bằng chứng công nhận chính thức của người đứng đầu Nhà nước phong kiến về sự hợp pháp của các vị thần trong tín ngưỡng của làng. Không ít vị thần vốn được thờ trong dân gian nhưng triều đình cho là các “dâm thần” (thần dâm loạn), “tà thần” (thần tà giáo) tức các vị mà sự tích, dáng vẻ không tuân theo chuẩn mực đạo đức phong kiến đương thời thì bị trừ bỏ. Năm Gia Long thứ 3 (1804), vua Gia Long chiếu rằng: “*Về Bắc*

*Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế nhìn từ sắc phong thần của triều Nguyễn*

Thành, những bản danh sách các xã dân trong hạt khai thần hiệu trước đây phạm thân thần hiện có họ tên công trạng, thiên thần có sự tích rõ rệt và danh thần ở các núi sông, cũng hiện có sắc phong, thì liệt làm hạng trên; thứ đến nhân thần có họ tên mà công trạng chưa được rõ rệt, sắc phong có quan tước mà họ tên thất truyền, hoặc hiện có ghi quan tước họ tên mà sắc phong thời lạc thì liệt ở hạng giữa; lại thứ nữa như sắc phong tuy còn mà sự tích mai một, nhưng xét các mi tự là chính thân, thì liệt ở hạng dưới. Đến như lúc còn sống làm sự nhơ nhuốc và tà dâm, những tinh khí ma quỷ gỗ đá, những loài côn trùng quái vật phạm thuộc vào sự bất chính, đều nên tước bỏ” [4, tr.173-174]. Như vậy, sắc phong thần là văn bản tỏ rõ quyền uy “cai quản” tuyệt đối mà nhà vua muốn bộc lộ với toàn bộ thần dân và luôn cả thế giới thần linh trên đất nước mình cai trị. Đồng thời nó cũng thể hiện các triều đại phong kiến muốn dựa vào sự che chở của thần linh trong việc trị vì của mình.

Tỉnh Thừa Thiên Huế xưa là kinh đô nhà Nguyễn nên nhiều sắc phong còn lưu giữ trong dân gian. Hiện có hơn 1000 sắc phong được ban cấp dưới 11 đời vua Nguyễn đã được khảo sát, hệ thống; số sắc phong thần là 854 đạo [2, tr.18]. Con số này chưa kể đến cả trăm sắc phong tiếp cận được từ các nguồn khác. Thực tế số lượng sắc phong hiện có trong dân gian còn lớn hơn nhiều. Các đạo sắc phong là loại hình di sản tư liệu quý hiếm đặc biệt, những văn bản gốc có niên đại tuyệt đối chính xác đến tận ngày, tháng, năm, cung cấp thông tin về việc thờ cúng bách thần, phản ánh phong tục tập quán tín ngưỡng ở làng xã Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã công bố phần nhiều tập trung vào việc phiên âm, dịch nghĩa và chú giải nội dung các đạo sắc phong cấp cho quan lại và thần linh nói chung. Chưa có bài viết nào nghiên cứu sắc phong nữ thần của triều Nguyễn ở làng xã Thừa Thiên Huế. Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi hệ thống sắc phong nữ thần triều Nguyễn để từ đó xác định các vị nữ thần đã được nhà nước quân chủ phong kiến định danh, phong thần, phong tặng/gia tăng mi tự trong lịch sử. Đây là cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo về tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế.

## **2. NỮ THẦN QUA SẮC PHONG THẦN THỜI NGUYỄN Ở LÀNG XÃ THỪA THIÊN HUẾ**

Với vị trí đặc biệt của Thừa Thiên Huế trong lịch sử, tín ngưỡng thờ nữ thần chịu tác động mạnh mẽ của triều đình phong kiến. Những dấu mốc đặc biệt trong lịch sử vùng đất này như sự kiện Công chúa Huyền Trân kết hôn với vua Chăm-pa và món quà cưới là hai châu Ô Rý, thành hai châu Thuận Hóa (1306); Nguyễn Hoàng vào đất Thuận Hóa năm 1558 và hình ảnh Nữ thần Áo Xanh; Bà Tròi Áo Đỏ với việc dựng chùa Thiên Mụ, là những minh chứng cho thấy vùng đất này có mối lương duyên đặc biệt với các vị nữ thần. Vì thế, từ thời chúa Nguyễn, qua triều Tây Sơn đến triều vua Nguyễn, việc thờ thần Thần Nữ phong Thánh Mẫu càng được chú ý.

Bài viết này là kết quả khảo cứu 136 sắc phong nữ thần ở làng xã Thừa Thiên Huế. Các sắc phong từ thời vua Minh Mạng (1820-1840) đến thời vua Khải Định (1916-1925) được phân định như sau: triều Minh Mạng (gồm các năm Minh Mạng thứ 1, 5, 7 và 21): 09 đạo, triều Thiệu Trị (gồm năm Thiệu Trị 2 và 5): 43 đạo; triều Tự Đức (năm Tự Đức 5 và 33): 35 đạo; triều Đồng Khánh (Đồng Khánh 2): 13 đạo; triều Thành Thái (Thành Thái 15): 01 đạo; triều Duy Tân (năm Duy Tân 3 và 7): 18 đạo; triều Khải Định (Khải Định năm 2, 9 và 10): 17 đạo. Như vậy, ngay từ năm đầu tiên triều vua Minh Mạng đã có sắc phong nữ thần<sup>1</sup>. Các đời vua sau số sắc phong được cấp qua nhiều đợt, phổ biến từ năm trị vì thứ 2.

**Bảng 1.** Các nữ thần được phong sắc (từ số 1-136)<sup>2</sup>

ST T	Tên thần được phong	Niên đại	Tên Làng xã
1	Kỳ Thạch phu nhân	MM 1	Hồng Phước
2	Tứ vị thánh nương	MM 5	An Truyền
3	Tứ vị thánh nương	MM 7	Đốc Sơ
4	Hồng Hoa Công chúa	MM 5	An Truyền
5	Thổ Đức Thánh phi	MM 5	An Truyền
6	Thiên Y A Na	MM 5	An Truyền
7	Thiên Y A Na	MM 7	Quy Lai
8	Thủy Long Thánh phi	MM 7	An Thành
9	Hòa thần	MM 21	Uất Mậu
10	Kỳ Thạch phu nhân	TT 2	Hồng Phước
11	Kỳ Thạch phu nhân	TT 2	Hồng Phước
12	Tứ vị thánh nương	TT 2	An Truyền
13	Tứ vị thánh nương	TT 2	Đốc Sơ
14	Tứ vị thánh nương	TT 2	Uất Mậu
15	Tứ vị thánh nương	TT 2	An Truyền
16	Tứ vị thánh nương	TT 2	Đốc Sơ
17	Tứ vị thánh nương	TT 2	Uất Mậu
18	Tứ vị thánh nương	TT 5	An Phú
19	Tứ vị thánh nương	TT 5	Xuân Hòa
20	Tứ vị thánh nương	TT 5	An Phú
21	Tứ vị thánh nương	TT 5	Xuân Hóa
22	Hồng Anh Phu nhân	TT 2	An Truyền

<sup>1</sup> Thời vua Gia Long có rất nhiều đợt ban sắc phong thần. Tuy nhiên việc phong thần quá “rộng rãi”, nhiều vị thần chưa đủ tiêu chuẩn, chưa đúng nghĩa là thần nên đến triều vua Minh Mạng, nhà vua ban Chỉ dụ thu lại tất cả. Đồng thời vua lệnh cho các quan bộ Lễ phải xem xét xem vị thần nào đủ điều kiện thì ban sắc phong lại; vị thần nào “bậy bạ” thì thu hủy. Vì lẽ đó mà các sắc phong nữ thần thời vua Gia Long không còn. Thời vua Bảo Đại (1926-1945), không thấy sắc phong nữ thần.

<sup>2</sup> Quy ước Niên đại: Minh Mạng (MM), Thiệu Trị (TT), Tự Đức (TĐ), Đồng Khánh (ĐK), Thành Thái (TTh), Duy Tân (DT), Khải Định (KĐ).

Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế nhìn từ sắc phong thần của triều Nguyễn

23	Hồng Anh Phu nhân	TT 2	An Truyền
24	Hỏa thần	TT 2	An Truyền
25	Hỏa thần	TT 2	Uất Mậu
26	Hỏa thần	TT 2	An Truyền
27	Hỏa thần	TT 2	Uất Mậu
28	Hỏa thần	TT 5	An Thành
29	Thiên Y A Na	TT 2	An Thành
30	Thiên Y A Na	TT 2	An Truyền
31	Thiên Y A Na	TT 2	Quy Lai
32	Thiên Y A Na	TT 5	Hồng Phước
33	Thiên Y A Na	TT 5	Uất Mậu
34	Thiên Y A Na	TT 5	Thần Phù
35	Thiên Y A Na	TT 5	Hồng Phước
36	Thiên Y A Na	TT 5	Đốc Sơ
37	Thiên Y A Na	TT 5	Uất Mậu
38	Thiên Y A Na	TT 5	Hiên Lương
39	Thiên Y A Na	TT 5	Hiên Lương
40	Thổ thần	TT 2	An Truyền
41	Thổ thần	TT 5	Uất Mậu
42	Thổ thần	TT 5	An Thành
43	Thổ thần	TT 5	Uất Mậu
44	Thổ thần	TT 5	An Thành
45	Thủy Long thần	TT 2	An Thành
46	Dương phu nhân	TT 5	An Phú
47	Dương phu nhân	TT 5	An Phú
48	Dương phu nhân	TT 5	An Lỗ
49	Mộc thần	TT 5	An Thành
50	Mộc thần	TT 5	An Thành
51	Ngũ Hành	TT 5	Xuân Hòa
52	Ngũ Hành	TT 5	Xuân Hòa
53	Thiên Y A Na	TĐ 3	Thanh Phước
54	Thiên Y A Na	TĐ 3	Đốc Sơ
55	Thiên Y A Na	TĐ 3	Uất Mậu
56	Thiên Y A Na	TĐ 3	An Thành
57	Thiên Y A Na	TĐ 3	An Truyền
58	Thiên Y A Na	TĐ 3	Hiên Lương
59	Thiên Y A Na	TĐ 5	Xuân Hòa
60	Kỳ Thạch phu nhân	TĐ 3	Thanh Phước
61	Hỏa thần	TĐ 3	An Truyền
62	Hỏa thần	TĐ 3	Uất Mậu
63	Hỏa thần	TĐ 3	An Thành
64	Thổ thần	TĐ 3	An Truyền
65	Thổ thần	TĐ 3	Uất Mậu
66	Tứ vị thánh nương	TĐ 3	An Truyền
67	Tứ vị thánh nương	TĐ 3	An Phú

68	Tứ vị thánh nương	TĐ 3	Đốc Sơ
69	Tứ vị thánh nương	TĐ 3	Xuân Hòa
70	Tứ vị thánh nương	TĐ 3	An Thành
71	Tứ vị thánh nương	TĐ 5	Hiền Lương
72	Dương phu nhân	TĐ 3	An Phú
73	Mộc thần	TĐ 3	An Thành
74	Ngũ Hành	TĐ 3	Xuân Hòa
75	Hồng Anh Phu nhân	TĐ 3	An Truyền
76	Thủy Long thần	TĐ 3	An Lỗ
77	Kim - Mộc - Thủy thần	TĐ 5	An Truyền
78	Tứ vị thánh nương	TĐ 33	Thế Lại Thượng
79	Hồng phi	TĐ 33	Hòa An
80	Thiên Y A Na và Kỳ Thạch Phu Nhân	TĐ 33	Thanh Phước
81	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Kim - Mộc - Thủy - Thổ Hỏa thần, Hồng Anh Phu Nhân	TĐ 33	An Truyền
82	Thiên Y A Na, Dương phu nhân	TĐ 33	Quy Lai
83	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Kim - Mộc - Thủy - Thổ Hỏa thần	TĐ 33	Đốc Sơ
84	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A na, Thổ - Hỏa thần	TĐ 33	Uất Mậu
85	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Thủy Long thần, Mộc - Hỏa - Thổ thần	TĐ 33	An Thành
86	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Thai Dương Phu Nhân	TĐ 33	Xuân Hòa
87	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na	TĐ 33	Hiền Lương
88	Tứ vị thánh nương	ĐK 2	Lại Thượng
89	Tứ vị thánh nương	ĐK 2	Phú Xuân
90	Thiên Y A Na, Kỳ Thạch Phu Nhân	ĐK 2	Thanh Phước
91	Tứ vị thánh nương, Kim - Mộc - Thủy - Thổ - Hỏa thần, Hồng Anh phu nhân	ĐK 2	An Truyền
92	Thiên Y A Na, Dương phu nhân	ĐK 2	Quy Lai
93	Tứ vị thánh nương	ĐK 2	Bao La
94	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na	ĐK 2	Thần Phù
95	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ thần	ĐK 2	Đốc Sơ
96	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A na, Thổ - Hỏa thần	ĐK 2	Uất Mậu
97	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A na, Thủy - Mộc - Hỏa thần	ĐK 2	An Thành
98	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Thai Dương Phu Nhân	ĐK 2	Xuân Hòa
99	Thủy Long thần, Dương phu nhân	ĐK 2	An Lỗ
100	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na	ĐK 2	Hiền Lương
101	Kỳ Thạch phu nhân	TTh15	Thanh Phước
102	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na	DT 3	Thần Phù
103	Tứ vị thánh nương	DT 3	Thế Lại Thượng
104	Tứ vị thánh nương, Ngũ Hành	DT 3	Phú Xuân
105	Thiên Y A Na, Kỳ Thạch Phu Nhân	DT 3	Thanh Phước

Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế nhìn từ sắc phong thần của triều Nguyễn

106	Tứ vị thánh nương, Dương phu nhân	DT 3	An Phú
107	Tứ vị thánh nương	DT 3	Lại Ân
108	Chúa Ngọc phu nhân	DT 3	Khuông Phò
109	Tứ vị thánh nương	DT 3	Khuông Phò
110	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Dương phu nhân	DT 3	Quy Lai
111	Ngũ Hành	DT 3	Khuông Phò
112	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ thần	DT 3	Đốc Sơ
113	Thiên Y A Na	DT 3	Dương Nỗ
114	Thiên Y A Na, Tứ vị thánh nương, Hỏa - Thổ thần	DT 3	Uất Mậu
115	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Thủy Long thần, Mộc - Hỏa - Thổ thần	DT 3	An Thành
116	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Thai Dương Phu Nhân	DT 3	Xuân Hòa
117	Hỏa Lôi Phong Tiên nương, Dàng Lá Tiên nương	DT 7	An Thành
118	Bốn thổ Hoàng Thị Phiếu	DT 7	Hiền Lương
119	Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na	DT 7	Hiền Lương
120	Ngô Ngọc Lâm phu nhân	KĐ 2	Thế Lại
121	Thiên Tiên Chúa Ti Long Hồng Thánh phi	KĐ 2	Khuông Phò
122	Chúa Xứ Ngọc phi	KĐ 2	Uất Mậu
123	Ngũ Hành	KĐ 9	Phú Xuân
124	Tứ vị thánh nương	KĐ 9	Phú Xuân
125	Kỳ Thạch phu nhân	KĐ 9	Thanh Phước
126	Thiên Y A Na	KĐ 9	Thanh Phước
127	Hồng Anh Phu nhân	KĐ 9	An Truyền
128	Kim - Thủy - Hỏa - Thổ thần	KĐ 9	An Truyền
129	Thiên Y A Na	KĐ 9	An Truyền
130	Tứ vị thánh nương	KĐ 9	An Truyền
131	Tứ vị thánh nương, Dương phu nhân	KĐ 9	An Phú
132	Tứ vị thánh nương	KĐ 9	Bao La
133	Tứ vị thánh nương, Ngũ Hành, Chúa Ti Long Hồng Thánh phi, Thiên Tiên Ngọc Nữ, Chúa Ngọc phu nhân	KĐ 9	Khuông Phò
134	Hỏa thần	KĐ 9	Uất Mậu
135	Tứ vị thánh nương, Thiên y A Na	KĐ 9	Hiền Lương
136	Tứ vị thánh nương	KĐ 10	Hòa An

Sắc phong dưới triều vua Thiệu Trị và triều vua Tự Đức chiếm số lượng nhiều nhất. Đồng thời, từ thời vua Minh Mạng đến những năm đầu triều vua Tự Đức, các đạo sắc được ban đều là sắc phong thần gia tặng mỹ tự. Về mỹ tự, năm Minh Mạng thứ 2 (1821), vua xuống chỉ dụ cho việc phân định thần hiệu cho các thần kỳ: “Phàm thần hiệu ở hạng trên thì tặng 3 mỹ tự là thượng đẳng thần, ở hạng giữa thì tặng 2 mỹ tự là trung đẳng thần, ở hạng dưới thì tặng 1 mỹ tự là chi thần” [4, tr.175]. Thần mỗi lần ban sắc lại thêm 1 mỹ tự, cứ như vậy càng nhiều lần phong thì càng có thêm nhiều mỹ tự. Như sắc phong thần Kỳ Thạch Phu Nhân dưới thời vua Minh Mạng thứ 1 (1820) cho làng Hồng Phước (nay là làng Thanh Phước, xã Hương Phong, thị xã Hương Trà) ghi rõ:

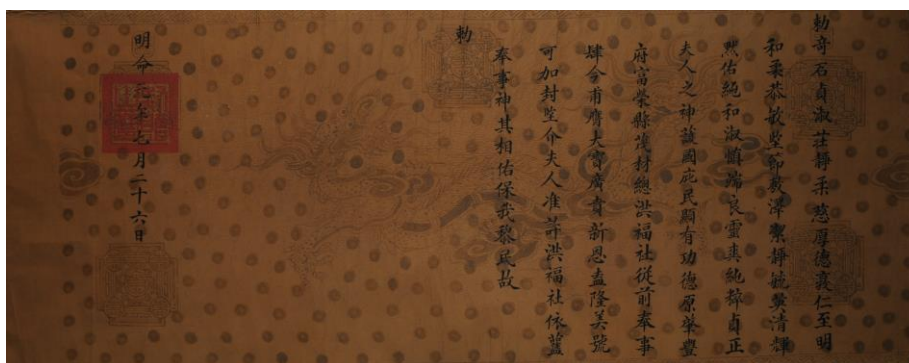
“Sắc Kỳ Thạch Trinh Thục Trang Tĩnh Nhu Từ Hậu Đức Đôn Nhân Chí Minh Hoà Nhu Cung Mẫn Kiên Tiết Phu Trạch Khiết Tĩnh Dục Anh Thanh Huy Mặc Hữu Thuần Hoà Thục Thận Đoan Lương Linh Sảng Thuần Tuý Trinh Chính Phu Nhân chi thần, hộ quốc tí dân hiền hữu công đức, nguyên Triệu Phong phủ Phú Vang huyện Mậu Tài tổng Hồng Phước xã, tòng tiên phụng sự. Tứ kim phủ ưng đại bảo quảng bí tân ân hạp long mỹ hiệu, khả gia phong Kiên Giới Phu Nhân”<sup>3</sup>. Như vậy, Kỳ Thạch Phu nhân vốn xếp hạng *chi thần*, mỹ tự được phong tặng thêm là *Kiên giới*. Qua các năm tiếp theo, Kỳ Thạch Phu Nhân được gia phong thêm mỹ tự *Phương khiết, Thận chính* (năm Thiệu Trị 2), *Nhàn uyển* (năm Tự Đức 3), *Dục Bảo Trung Hưng* (năm Đồng Khánh 2), *Trang huy Dục Bảo Trung Hưng* (năm Thành Thái 15), *Trai tinh* (năm Khải Định 9); đồng thời được gia phong hạng đẳng thần, thành danh xưng *Kiên giới Phương khiết Thận chính Trinh uyển Dục Bảo Trung Hưng Kỳ Thạch Trinh tinh Phu nhân Trai tinh Trung đẳng thân* [2, tr.53-54,64-65,138-139,232-233,296,400-401].

Những năm cuối triều vua Tự Đức bắt đầu xuất hiện sắc với nội dung gia tăng cấp bậc (đăng trật). Từ triều vua Duy Tân (1907-1916) về sau, các sắc phong nữ thần đăng trật là chủ yếu.

Qua sắc phong, chúng ta thống kê được 24 vị nữ thần, gồm: Đại Càn Tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc, Kỳ Thạch phu nhân, Hồng Hoa công chúa, Thủy Long thánh phi, Hồng Anh phu nhân, Thủy Long thần, Dương phu nhân, Ngũ Hành Tiên nương, Bà Mộc, Bà Thủy, Bà Hòa, Bà Thổ, Bà Kim, Thai Dương phu nhân, Động Phủ Chúa Ngọc phu nhân, Bà Hòa Lô Phong, Bà Dàng Lá, Ngô Ngọc Lâm phu nhân, Bồn thổ Hoàng Thị Phiếu, Bà Chúa Xứ, Chúa Tì Long Hồng thánh phi, Thiên Tiên Ngọc Nữ, Bà Chúa Ngọc. Về nguồn gốc, có các nữ thần trong tín ngưỡng dân gian người Việt (như Bồn thổ, Khai Canh Khai Khẩn); đến các vị thần có nguồn gốc Chăm (Thiên Y A Na, Kỳ Thạch Phu nhân, bà Dàng (Giàng), các vị thần có nguồn gốc Trung Hoa (Tứ Vị Thánh nương). Đa số là các vị thần có nguồn gốc từ các đấng siêu nhiên mang sức mạnh chi phối cuộc sống con người, được nhân dân tôn vinh nhằm cầu sự che chở, bảo hộ, như: thần Ngũ Hành, thần Lửa (Hỏa), Nước (Thủy); hoặc được thể hiện qua biểu tượng hình người như Thiên Y A Na, Thai Dương Phu nhân, Kỳ Thạch Phu nhân...

<sup>3</sup> **Dịch nghĩa:** “Sắc cho Kỳ Thạch Trinh Thục Trang Tĩnh Nhu Từ Hậu Đức Đôn Nhân Chí Minh Hoà Nhu Cung Mẫn Kiên Tiết Phu Trạch Khiết Tĩnh Dục Anh Thanh Huy Mặc Hữu Thuần Hoà Thục Thận Đoan Lương Linh Sảng Thuần Tuý Trinh Chính Phu Nhân chi thần, bảo vệ đất nước che chở cho dân, hiển rõ công đức, trước đây được làng Hồng Phước, tổng Mậu Tài, huyện Phú Vang, phủ Triệu Phong phụng thờ. Nay Trẫm nhận mệnh lớn ra ơn rộng rãi, gia tăng mỹ hiệu, nên phong tặng thêm là Kiên Giới Phu Nhân. Chuẩn cho làng Hồng Phước được phụng thờ như cũ. Thần hãy che chở trợ giúp dân ta”.

Ảnh 1. Sắc phong Kỳ Thạch Phu Nhân cho làng Hồng Phước, năm Minh Mạng 1 (1820)<sup>4</sup>



Nhân thần là người tiêu biểu có công đức lớn trong quá trình khai canh, khai khẩn, được dân làng tôn vinh, thờ phụng, song được phong thần thì rất hiếm. Đến nay, chúng tôi ghi nhận 2 vị nhân thần. Một là Bản thổ Hoàng Thị Phiếu của làng Hiền Lương, huyện Phong Điền. Bà là vị thần Bản thổ có công mở đất lập làng Hiền Lương, đồng thời là nữ tu tại gia thọ giới Ưu Bà Di, có công đầu trong việc dựng am tu Phật tại làng. Am tu đó sau phát triển thành chùa Giác Lương, một trong những ngôi chùa cổ đất Thuận Hóa – Phú Xuân – Thừa Thiên Huế. Sắc phong thần năm Duy Tân 7 (1913) ghi rõ phong tặng Bà là Dục Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần [5, tr.210-211]. Hai là Ngô Ngọc Lâm phu nhân chi thần ở làng Thế Lại, huyện Hương Trà, được sắc phong thần năm Khải Định năm thứ 2 (1917) [2, tr.357-358].

Các nữ thần được ban sắc kèm theo việc sắp xếp thứ hạng theo cấp độ công lao làm 3 phẩm trật: *Phàm thần hiệu ở trên thì tặng 3 chữ mỹ tự là thượng đẳng thần, ở hạng giữa thì tặng 2 mỹ tự là trung đẳng thần, ở hạng dưới thì tặng 1 mỹ tự là chi thần*” [4, tr.175]. Thực tế, 136 sắc phong xuất hiện các kiểu ghi bậc sau: Chi thần (之神) (như *Anh sáng Minh khiết Tĩnh trinh Hồng Anh phu nhân chi thần*, năm Thiệu Trị 2) [2, tr.69-70], Tôn thần (尊神) (như *Thiên Tiên Chúa Tử Long Hồng Thánh phi tôn thần*, năm Khải Định 2) [2, tr.364-365], Trung đẳng thần (中等神) (như *Chương hiền Hiệu ứng Hòa nghĩa Lợi vật Linh thúy Dục Bảo Trung Hưng Kim Đức Trung đẳng thần*, năm KĐ 9) [2, tr.408-409], Thượng đẳng thần (上等神) (như *Hoàng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy Dục Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễm Ngọc phi Thượng đẳng thần*, năm Khải Định 9) [2, tr.410-411]. Các vị gia phong hàng Thượng đẳng thần là Thiên Y A Na, Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương và Thai Dương Phu nhân. Trung đẳng thần là các vị Ngũ Hành, Dương phu nhân. Các vị còn lại được xếp hàng Chi thần. Tuy nhiên, phẩm trật nữ thần có thể thay đổi ở từng triều vua. Thai Dương Phu nhân ở các sắc phong các triều vua trước được xếp hàng Thượng đẳng thần, đến thời vua Đồng Khánh lại được xếp vào Trung đẳng thần. Qua triều vua Duy Tân 3, Thai Dương Phu nhân lại

<sup>4</sup> Nguồn: Trần Văn Quyến, ảnh chụp, phiên âm, dịch nghĩa, năm 2010. Nhân đây tôi xin cảm ơn NNC Trần Văn Quyến đã cho phép tôi sử dụng tư liệu sắc phong cho bài viết của mình.



được ghi là Thượng đẳng thần [2, tr.254-255, 341-342]. Riêng Kỳ Thạch Phu nhân vốn được sắc phong Chi thần, đến thời vua Thành Thái có 1 sắc nâng lên hàng Thượng đẳng thần (ngày 26 tháng 7 năm Thành Thái thứ 15 (17-9-1903)). Nhưng đến đời vua Duy Tân, trong sắc đẳng trật ghi là Chi thần [2, tr.296, 316-317]. Hay đến thời vua Khải Định, có một số vị nữ thần hàng Trung đẳng thần các triều vua trước được gia phong lên hàng Thượng đẳng thần.

Nữ thần Thiên Y A Na và bà/các bà Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ vị thánh nương có số sắc phong nhiều nhất. Từ thời vua Minh Mạng, các nữ thần này đã được gia phong lên hàng Thượng đẳng thần và được ban sắc phong liên tục. Trong 136 sắc phong kể trên, có 29 đạo sắc riêng cho bà Đại Càn Tứ Vị Thánh Nương, 23 đạo sắc phong cho nữ thần Thiên Y A Na. Nếu xét sắc phong trong đó có tên 1 hoặc cả 2 vị Thiên Y A Na và Tứ vị thánh nương thì tổng số lên đến 82/136 đạo sắc phong. Con số ấy cho thấy tầm quan trọng của 2 vị nữ thần này trong hệ thống các nữ thần nói riêng và đời sống tín ngưỡng nói chung của vùng đất này.

Khảo cứu hệ thống sắc phong dưới triều Nguyễn, chúng ta có thể thấy sự chuyển biến danh xưng các nữ thần dưới sự gia tăng mỹ tự qua các triều vua. Từ đó, chúng ta có thể “đọc” ra được thời điểm lịch sử vị nữ thần ấy đang tồn tại. Danh xưng của bà Thiên Y A Na là một ví dụ. Dưới thời vua Minh Mạng, từ danh hiệu *Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc tôn thần*, bà được gia phong mỹ tự *Hồng nhân Phổ tế Linh cảm Thượng đẳng thần* [2, tr.35-36]. Sang thời vua Thiệu Trị, gia tặng mỹ tự *Hồng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng* [2, tr.63-64,68-69]. Năm Tự Đức 3, gia tặng mỹ tự *Hoàng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy* [2, tr.137-138]. Đời vua Đồng Khánh, gia tặng *Dực Bảo Trung Hưng* [2, tr.236-237]. Từ đó đến nay, danh xưng bà là *Hoàng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc Thượng đẳng thần*. Các vị nữ thần khác cũng được ban các mỹ tự khác nhau. Các mỹ tự dành cho nữ thần đều là những từ mang ý nghĩa tốt đẹp, mang yếu tố nữ rõ nét (như *Khiết tinh*, *Thuần hòa*, *Trang huy*, *Linh cảm*, *Diệu thông*,...). Từ thời vua Đồng Khánh (1886-1888), tất cả nữ thần đều được gia tặng mỹ tự *Dực Bảo Trung Hưng*. Vì thế, có thể khẳng định thần hiệu vị nữ thần nào xuất hiện mỹ tự *Dực Bảo Trung Hưng* đều phải có sau năm 1886.

### 3. ĐÔI ĐIỀU KẾT LUẬN

Nghiên cứu về hệ thống sắc phong nữ thần của triều Nguyễn, ngoài việc giúp cho thống kê 24 nữ thần đã được phong sắc, còn mang đến những ý nghĩa như sau:

- Sắc phong thần là sự công nhận của các triều vua đối với thế giới thần linh, sự chứng thực và tương hỗ cho đời sống tín ngưỡng cư dân chốn Kinh đô nói riêng và toàn quốc gia nói chung. Dõi theo nội dung các sắc phong thần, chúng ta thấy hệ thống

*Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế nhìn từ sắc phong thần của triều Nguyễn*

thần linh cơ bản đã được định danh vào các triều vua đầu triều Nguyễn. Các vị vua về sau chủ yếu ban bảo chiếu mở rộng ân huệ, gia tăng cấp bậc và chuẩn cho phụng thờ như cũ vào những dịp lễ lớn (đại lễ đăng quang, tứ tuần/ngũ tuần đại khánh...). Trong 24 vị nữ thần, thiên thần chiếm đa số. Hai ngài nhân thần hiếm hoi thể hiện cho việc “xây dựng, quản lý” thế giới thần linh của triều Nguyễn cách chặt chẽ, đúng là người có công lao đức hạnh sẽ được phong thần, được phụng thờ.

- Việc thay đổi phẩm trật của một vị thần qua sắc phong là điều chúng ta cần nghiên cứu kỹ. Thiết nghĩ nếu phẩm trật là một biểu hiện cho sự công nhận của triều đình về công lao, hay sự linh hiển của các nữ thần, chúng ta có thể võ đoán việc gia tăng cấp bậc nữ thần là bằng chứng cho thấy vị thần trong thời điểm lịch sử đó có sự linh hiển mạnh mẽ hơn những thời kỳ trước. Số lượng và nội dung sắc phong thần chiếm đa số trong 136 sắc phong nói trên đã xác thực vị trí thần chủ của nữ thần Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc Thượng đẳng thần trong tín ngưỡng thờ nữ thần ở làng xã Thừa Thiên Huế. Bà Đại Càn Nam Hải Tứ vị Thánh nương có nhiều sắc phong, xuất hiện hàng đầu trong văn tế làng xã. Tuy nhiên, ảnh hưởng thực tế trong đời sống tín ngưỡng mờ nhạt hơn nhiều so với Thiên Y A Na, thậm chí so với rất nhiều vị nữ thần khác.

Sắc phong thần nói chung và sắc phong nữ thần triều Nguyễn là nguồn tư liệu quý hiếm, những văn bản gốc có thời gian chính xác đến ngày, tháng, năm, góp phần cung cấp thông tin về việc thờ cúng bách thần, phản ánh phong tục tập quán tín ngưỡng ở làng xã Thừa Thiên Huế thời vua Nguyễn cho đến ngày nay. Việc khảo cứu chủ yếu mới dừng ở khía cạnh nhận rõ nội dung sắc phong để rút ra những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế. Về hình thức của sắc phong, là cơ sở để phân loại đặc trưng thể loại văn bản, mỹ thuật đồ họa, sự thể hiện và biến đổi thể chữ, chất liệu giấy, thậm chí quá trình tạo thành một sắc phong cụ thể không nằm trong nội dung nghiên cứu của tác giả.

Nghiên cứu tín ngưỡng dân gian thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế nói riêng và tín ngưỡng dân gian truyền thống Việt Nam có nhiều vấn đề, mà sắc phong qua các thời kỳ phong kiến trong lịch sử Việt Nam có những đóng góp tư liệu quan trọng. Đây là hướng nghiên cứu cho những ai quan tâm, nhằm làm sáng rõ giá trị một thể loại văn bản Hán Nôm có nhiều đóng góp cho việc tìm hiểu nhiều khía cạnh của lịch sử, văn hóa dân tộc. Bài viết này bước đầu thống kê các nữ thần qua sắc phong, là cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo về tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Bảo tàng văn hóa dân gian Huế (2008), *Văn bản Hán Nôm làng xã vùng Huế (nghiên cứu - dịch tuyển)*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2]. Phan Thanh Hải và Lê Thị Toán (Cb) (2014), *Sắc phong triều Nguyễn trên địa bàn Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3]. Lê Nguyễn Lưu (2002), "Sắc phong thần vùng Huế", *Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn*, T/c Nghiên cứu và Phát triển của Sở KHCN Thừa Thiên Huế và Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, Huế, tr. 381-393.
- [4]. Lê Nguyễn Lưu (2006), *Văn hóa Huế xưa, tập II: Đời sống văn hóa làng xã*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [5]. Nội Các Triều Nguyễn (1993), *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ, tập VIII, quyển 113 – quyển 136*, Viện Sử học biên dịch và hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [6]. Dương Phước Thu và Dương Thị Hải Vân (2013), *Văn bản Hán Nôm làng Hiên Lương: Sắc phong, Chế phong, Văn chuông, Văn bia, Văn tế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

**THE GODDESS WORSHIP IN THUA THIEN HUE PHROVINCE  
FROM THE VIEW OF THE ROYAL INVESTITURE DECREES  
UNDER THE NGUYEN DYNASTY**

**Duong Thi Hai Van**

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: duonghaivan.phuxuan@gmail.com

**ABSTRACT**

Royal investiture decrees for gods of the Nguyen dynasty is a special source of valuable material which have provided information about worshipping the deity as well as reflecting customs and beliefs at the villages in Thua Thien Hue province. This paper collects and studies 136 royal investiture decrees for goddess through 7 Nguyen dynasties. Based on the results, we not only identify the name of goddess who have been decreed by feudal dynasty; the change of their name in history, but also understand the position of the goddess in the religious life of this land. This will be the fundamental information for further researches on the goddess worship in Thua Thien Hue.

**Keywords:** Belief, goddess, royal investiture decrees, the Nguyen dynasty, Thua Thien Hue.

*Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế nhìn từ sắc phong thần của triều Nguyễn*



**Dương Thị Hải Vân** sinh ngày 22/02/1984 tại Thừa Thiên Huế. Năm 2007, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại trường Đại học Phú Xuân, Huế. Năm 2010, bà tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Dân tộc học tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2007, bà làm công tác giảng dạy tại Khoa Xã hội Nhân văn, Đại học Phú Xuân, Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Dân tộc học - Nhân học, Văn hóa.